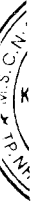


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17

MỤC LỤC



	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 – 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 – 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014	13 – 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014	15 – 44
8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	45

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2004, điều lệ sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp thay đổi về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là 188.000.000.000 VND.

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là 6.000.000.000 VND.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Điện thoại : (058) 3 831 043
Fax: : (058) 3 831 034
E-mail : ntsf@dng.vnn.vn
Website : www.nhatrangseafoods.com
Mã số thuế : 4 2 0 0 5 6 7 4 2 8

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến thủy sản F17	Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến thủy sản F90	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà hàng Nha Trang Seafood	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Vật tư thủy sản	Số 05 Sinh Trung, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng kinh doanh	Số 71 Phan Bội Châu, Phường Xương Huân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến thủy sản F394	Số 01 đường Phước Long, Phường Phước Long, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Khai thác thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Khai thác thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu, quầy bar);
- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh.

Các công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89	Thị trấn Hộ Phòng, Huyện Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	1900351972	99,00
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cù, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	5603000067	98,68
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (*)	Lô 1, 2, 3, 4, 5 - Khu Tiểu thủ Công nghiệp Thốt Nốt, Huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	1800648867	26,80
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF (*)	Ấp Phước Thạnh, Xã Quới Thiệt, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	1500490530	26,77
Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng - Nha Trang Seafoods F17 (*)	Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	4201112127	21,97

(*) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết trong các Công ty này ít hơn 50% nhưng Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương. Do vậy các Công ty này bị Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 kiểm soát và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Năm 2014, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua đầu tư mở rộng hoặc mua lại nhà máy sản xuất thủy sản tại các Công ty con. Đồng thời, Công ty không phải chịu thuế chống bán phá giá hàng thủy sản đã giúp Công ty tăng mạnh hàng thủy sản xuất khẩu (đặc biệt sang thị trường Mỹ) cũng góp phần làm doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng.

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 8 đến trang 45).

Trong năm 2014, Công ty đã điều chỉnh tăng vốn chủ sở hữu từ 166.500.000.000 VND lên thành 188.000.000.000 VND từ nguồn quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 12 năm 2012.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 01 tháng 3 năm 2014, Công ty đã trích tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát mức 1% lợi nhuận sau thuế của các năm 2012, 2013, 2014 với số tiền 2.938.598.367 VND.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2007	-
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2007	-
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007	-
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007	-
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	01 tháng 3 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thùy Liễu	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007	01 tháng 3 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	27 tháng 3 năm 2007	-
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	27 tháng 3 năm 2007	-
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Thành viên	27 tháng 3 năm 2007	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	01 tháng 4 năm 2012	-
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	01 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	01 tháng 4 năm 2012	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán được ghi chép, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm thiệt hại đến tài sản của Tập đoàn, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 15 tháng 4 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 097/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 14 tháng 4 năm 2015, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

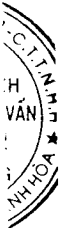
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là cổ đông sáng lập đăng ký sở hữu 35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 đã góp 10.500.000.000 VND bằng giá trị tài sản trên đất tại 777 Lê Hồng Phong – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động.



Kiểm toán viên chưa được tiếp cận với các số liệu tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin nên không có cơ sở để xem xét đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 (xem thêm thuyết minh V.14 và VII.5).

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 01 tháng 03 năm 2014 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17, Đại hội cổ đông đã thông nhất tỷ lệ chi trả cổ tức các năm 2012, 2013, 2014 với tổng số tiền cổ tức còn phải trả là 163.025.006.000 VND (xem thuyết minh V.28). Công ty chưa hạch toán và chi trả số tiền cổ tức nêu trên cho các cổ đông vào Báo cáo tài chính đã lập.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nguyễn Thị Lê Vy - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2195-2013-008-1

Nha Trang, ngày 15 tháng 4 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.898.334.210.452	1.447.094.785.587
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	387.726.010.843	284.833.392.551
1. Tiền	111		126.166.010.843	80.663.392.551
2. Các khoản tương đương tiền	112		261.560.000.000	204.170.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	7.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		782.652.828.049	552.415.244.517
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	717.393.166.224	540.901.264.504
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	58.503.989.470	5.517.575.845
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	8.687.613.594	7.928.345.407
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.931.941.239)	(1.931.941.239)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	638.275.474.597	551.841.819.582
1. Hàng tồn kho	141		638.275.474.597	551.841.819.582
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		89.679.896.963	51.004.328.937
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.495.044.924	723.539.543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.503.987.010	40.020.193.523
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	1.582.401.130	666.087.085
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	28.098.463.899	9.594.508.786

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		527.403.820.975	476.064.448.773
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.578.000	147.730.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	3.578.000	147.730.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		510.176.784.213	457.834.179.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	431.527.052.654	372.901.655.713
<i>Nguyên giá</i>	222		676.999.442.230	573.354.326.392
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(245.472.389.576)	(200.452.670.679)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	61.362.755.212	60.426.260.280
<i>Nguyên giá</i>	228		81.579.545.078	76.007.840.916
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(20.216.789.866)	(15.581.580.636)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	17.286.976.348	24.506.263.464
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.785.310.000	10.755.960.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	285.310.000	255.960.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.438.148.762	7.326.579.316
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	4.812.110.647	5.571.833.820
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	1.571.927.127	1.707.592.398
3. Tài sản dài hạn khác	268		54.110.988	47.153.098
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.425.738.031.427	1.923.159.234.360

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.484.578.336.107	1.281.239.995.664
I. Nợ ngắn hạn	310		1.484.078.336.107	1.250.547.445.664
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	1.306.562.321.836	1.092.956.057.395
2. Phải trả người bán	312	V.19	43.297.133.284	61.222.121.242
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	24.011.736.642	7.447.474.796
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	34.166.279.120	27.511.136.694
5. Phải trả người lao động	315	V.22	37.276.365.087	22.489.417.801
6. Chi phí phải trả	316	V.23	9.761.195.261	12.690.004.409
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	6.361.113.163	2.705.738.080
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	22.642.191.714	23.525.495.247
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		500.000.000	30.692.550.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	500.000.000	692.550.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	-	30.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		554.209.421.586	394.667.158.130
I. Vốn chủ sở hữu	410		554.209.421.586	394.667.158.130
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	188.000.000.000	166.499.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	15.380.352.144	35.042.782.611
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	22.955.698.690	22.792.901.098
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	327.873.370.753	170.331.514.421
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.29	386.950.273.734	247.252.080.566
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.425.738.031.427	1.923.159.234.360

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

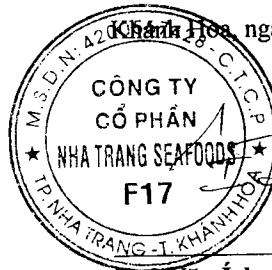
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.30	1.964.637.579	1.964.637.579
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		4.423.718,54	1.656.497,15
Euro (EUR)		523,55	623,64
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2015

Ngô Văn Ích
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.873.509.188.459	3.371.496.021.648
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	37.852.305.982	16.387.702.044
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.835.656.882.477	3.355.108.319.604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.314.576.350.187	2.931.924.362.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		521.080.532.290	423.183.957.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.203.999.106	23.701.922.038
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	51.676.152.530	60.857.288.825
Trong đó: chi phí lãi vay	23		41.556.210.451	46.005.139.709
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	154.024.971.908	159.962.502.417
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	57.720.286.878	44.865.535.898
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		274.863.120.080	181.200.552.033
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.497.262.128	15.495.502.099
12. Chi phí khác	32	VI.8	777.300.096	6.964.264.648
13. Lợi nhuận khác	40		6.719.962.032	8.531.237.451
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		281.583.082.112	189.731.789.484
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	55.551.863.364	39.625.335.415
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		135.665.271	387.018.590
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		225.895.553.477	149.719.435.479
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		55.963.778.658	19.301.249.245
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		169.931.774.819	130.418.186.234
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	9.039	6.937


Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2015

Ngô Văn Ích
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		281.583.082.112	189.731.789.484
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	50.906.138.024	43.283.816.530
- Các khoản dự phòng	03		-	536.855.103
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(831.655.951)	(2.489.437.504)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(6.079.782.122)	(2.270.733.637)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	41.556.210.451	46.005.139.709
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		367.133.992.514	274.797.429.685
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(259.260.269.749)	146.424.002.962
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(86.433.655.015)	(148.569.608.701)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.804.995.523	9.004.455.762
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.011.782.208)	(1.464.166.823)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(44.244.395.208)	(41.872.079.253)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(50.223.284.594)	(10.968.385.069)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		85.100.000.000	11.711.120.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.696.158.142)	(6.517.960.581)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.169.443.121	232.544.807.982
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(103.110.143.954)	(52.104.901.442)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		440.909.091	404.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		7.000.000.000	(24.516.333.333)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	17.516.333.333
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(29.350.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	5.755.148.229	2.509.657.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(89.943.436.634)	(56.190.698.369)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

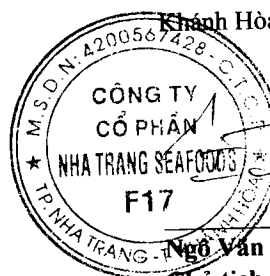
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	3.335.364.603.480	3.212.919.347.455
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.27	(3.156.748.956.973)	(3.283.458.483.368)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		178.615.646.507	(70.539.135.913)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		102.841.652.994	105.814.973.700
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	284.833.392.551	179.032.102.589
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		50.965.298	(13.683.738)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	387.726.010.843	284.833.392.551



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2015

Ngô Văn Ích
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** :
Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng; Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước.

- Tổng số các Công ty con: 5**
Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89	99,00	99,00
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	98,68	98,68
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (*)	26,80	26,80
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF (*)	26,77	26,77
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Nóng - Nha Trang Seafoods F17 (*)	21,97	21,97

- (*) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết trong các Công ty này ít hơn 50% nhưng Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương. Do vậy các Công ty này bị Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 kiểm soát và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này.

- Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tên công ty : Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin

Địa chỉ trụ sở chính :

Lý do : Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đang thực hiện các thủ tục giải thể

- Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 4.145 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.590 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2014, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua đầu tư mở rộng hoặc mua lại nhà máy sản xuất thủy sản tại các Công ty con. Đồng thời, Công ty không phải chịu thuế chống bán phá giá hàng thủy sản đã giúp Công ty tăng mạnh hàng thủy sản xuất khẩu (đặc biệt sang thị trường Mỹ) cũng góp phần làm doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (Công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	7 – 15
Phương tiện vận chuyển	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

00,
NH
TNH
TƯ
C
ANC
KHA

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất tại số 02-04 Bãi Dương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam được khấu hao theo thời gian giao đất (49 năm).

Đối với quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Thốt Nốt - Thành phố Cần Thơ, thời hạn thuê là 50 năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 57221000028 ngày 26/10/2007 của Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ, Công ty được miễn tiền thuê lại đất trong thời gian xây dựng, nhưng tối đa không quá 24 tháng. Do đó, Quyền sử dụng đất được khấu hao trong vòng 48 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí khác:

Chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí di dời, chi phí lập dự án,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

16. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các Công ty trong Tập đoàn như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	Không có mức tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	Không có mức tối đa

Tỷ lệ trích lập các quỹ còn được phê duyệt trong các Quyết định của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD
31/12/2014 : 21.380 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.987.164.523	23.245.767.569
Tiền gửi ngân hàng	120.178.846.320	57.417.624.982
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	261.560.000.000	204.170.000.000
Cộng	387.726.010.843	284.833.392.551

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền có giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính là 355.799.541.250 VND (số đầu năm là 161.785.257.567 VND) đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng trong nước	129.550.176.866	128.490.636.942
Phải thu khách hàng nước ngoài	587.842.989.358	412.410.627.562
Cộng	717.393.166.224	540.901.264.504

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính là 220.120.017.485 VND (số đầu năm là 393.986.573.437 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước về mua nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa và các dịch vụ khác	55.079.259.902	4.448.652.338
Ứng trước về đầu tư, xây dựng tài sản cố định	3.424.729.568	1.068.923.507
Cộng	58.503.989.470	5.517.575.845

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Bà Lê Thị Mỹ Dung	6.594.916.307	6.594.916.307
Thuế thu nhập cá nhân	152.433.217	144.408.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn chưa thu	769.827.890	602.262.975
Thanh toán BHXH Khánh Hòa	164.035.900	527.127.225
Thuế GTGT chưa kê khai	913.505.438	-
Các khoản khác	92.894.842	59.630.900
Cộng	8.687.613.594	7.928.345.407

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.931.941.239	1.395.086.136
Trích lập dự phòng bổ sung	-	536.855.103
Số cuối năm	1.931.941.239	1.931.941.239

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	78.693.908.478	34.847.874.935
Công cụ, dụng cụ tồn kho	1.564.616.872	671.073.811
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	197.591.594.164	184.427.535.602
Thành phẩm tồn kho	359.623.415.259	331.527.959.467
Hàng hóa tồn kho	801.939.824	367.375.767
Cộng	638.275.474.597	551.841.819.582

Hàng tồn kho có giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính là 365.475.393.025 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ, vật rẻ tiền mau hỏng được phân bổ vào chi phí trong vòng 12 tháng.

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế xuất nhập khẩu	125.589.325	276.249.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp	702.080.793	199.962.079
Thuế thu nhập cá nhân	754.731.012	189.875.049
Cộng	1.582.401.130	666.087.085

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng của cán bộ công nhân viên	28.067.463.899	9.563.508.786
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.000.000	31.000.000
Cộng	28.098.463.899	9.594.508.786

10. Phải thu dài hạn khác

Khoản tiền bán cổ phiếu trả chậm phải thu người lao động nghèo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	253.991.850.902	278.097.987.094	40.677.262.581	587.225.815	-	573.354.326.392
Mua trong năm	-	41.210.582.136	2.080.357.546	128.682.727	34.990.000	57.851.900.674
Đầu tư XDCB hoàn thành	39.322.547.861	6.860.038.604	1.145.678.709	-	-	47.328.265.174
Thanh lý trong năm	-	(410.000.000)	(1.125.050.010)	-	-	(1.535.050.010)
Số cuối năm	293.314.398.763	325.758.607.834	42.778.248.826	715.908.542	34.990.000	676.999.442.230

*Trong đó:*Đã khấu hao hết
nhưng vẫn còn
sử dụng

3.479.221.871	43.219.485.278	1.279.956.124	359.043.086	-	48.337.706.359
---------------	----------------	---------------	-------------	---	----------------

**Giá trị hao
mòn**

Số đầu năm	52.885.797.921	133.454.010.039	13.673.086.309	439.776.410	-	200.452.670.679
Khấu hao trong năm	18.822.577.706	23.270.267.348	4.060.793.444	113.645.504	3.644.792	46.270.928.794
Thanh lý trong năm	-	(410.000.000)	(841.209.897)	-	-	(1.251.209.897)
Số cuối năm	71.708.375.627	156.314.277.387	16.892.669.857	553.421.914	3.644.792	245.472.389.576

Giá trị còn lại

Số đầu năm	201.106.052.981	144.643.977.055	27.004.176.272	147.449.405	-	372.901.655.713
Số cuối năm	221.606.023.136	169.444.330.448	25.885.578.969	162.486.628	31.345.208	431.527.052.654

*Trong đó:*Tạm thời chưa
sử dụngĐang chờ thanh
lý

-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 559.289.124.329 VND và 328.848.403.997 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	75.705.840.916	302.000.000	76.007.840.916
Mua trong năm	5.571.704.162	-	5.571.704.162
Số cuối năm	81.277.545.078	302.000.000	81.579.545.078
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	302.000.000	302.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.279.580.636	302.000.000	15.581.580.636
Khấu hao trong năm	4.635.209.230	-	4.635.209.230
Số cuối năm	19.914.789.866	302.000.000	20.216.789.866
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	60.426.260.280	-	60.426.260.280
Số cuối năm	61.362.755.212	-	61.362.755.212

Trong năm 2011, Công ty mua đất của Ông Trần Văn Sang số tiền 2 tỷ đã sử dụng làm ao nuôi cá nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu hợp pháp cho Công ty. Công ty tạm ghi nhận tăng tài sản cố định vô hình và không trích khấu hao.

Một số tài sản cố định vô hình là các quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 61.219.574.954 VND và 41.458.690.562 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các nhà máy và mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh tăng trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị Nhà máy F89	1.402.944.638	3.999.028.630	(5.201.523.268)	(200.450.000)	-
Xây dựng nhà xưởng Nhà máy Thủy sản NT	161.300.453	7.664.978.634	(6.743.455.118)	(275.713.900)	807.110.069
Xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị Nhà máy Thủy sản NTSF	-	9.035.885.408	(8.945.606.822)	(40.667.223)	49.611.363
Xây dựng nhà xưởng Nhà máy Thực phẩm NTSF	-	301.479.378	(291.561.378)	(9.918.000)	-
Xây dựng nhà xưởng và mua sắm tài sản Nhà máy F17	6.244.944.580	977.211.112	(1.539.064.799)	-	5.683.090.893
Xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc và mua sắm tài sản Du lịch Khoáng nóng	16.697.073.793	21.935.402.895	(24.607.053.789)	(3.278.258.876)	10.747.164.023
Cộng	24.506.263.464	43.913.986.057	(47.328.265.174)	(3.805.007.999)	17.286.976.348

14. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Hiện tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngừng hoạt động. Tập đoàn có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính của Tập đoàn chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG). Số cuối năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND (số đầu năm là 20.967 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 255.960.000 VND).

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí đồ dùng dụng cụ	4.471.208.675	5.437.881.173	(4.643.262.804)	(1.116.061.917)	4.149.765.127
Chi phí khác	1.100.625.145	842.863.506	(1.281.143.131)	-	662.345.520
Cộng	5.571.833.820	6.280.744.679	(5.924.405.935)	(1.116.061.917)	4.812.110.647

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi nội bộ chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.707.592.397	2.094.610.987
Số phát sinh giảm trong năm	(135.665.271)	(387.018.590)
Số cuối năm	1.571.927.126	1.707.592.397

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	1.306.345.512.836	1.050.014.802.591
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(a)	421.400.278.051	279.849.101.156
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(b)	884.945.234.785	770.165.701.435
Vay ngắn hạn của các cá nhân ^(c)	216.809.000	42.941.254.804
Cộng	1.306.562.321.836	1.092.956.057.395

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy hải sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh chế biến thủy hải sản. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 46, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu và toàn bộ máy móc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị quản lý tại nhà xưởng của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần thủy sản NT để bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 60.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý thuộc quyền sở hữu của bên vay tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2011/HĐTC ngày 16/11/2011 và hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2011/HĐTC ngày 16/11/2011.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:
 - Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Phân xưởng 99 Trần Quý Cáp - Phường Sài, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
 - Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để bổ sung vốn lưu động thu mua nguyên vật liệu, thanh toán chi phí trực tiếp nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn vay trên từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất cho vay thông thường được áp dụng phương thức lãi suất thả nổi theo thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải, các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Lô C1, C2, C3, C4, C5 Khu Công nghiệp Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ, toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF, toàn bộ hàng hóa, nguyên liệu, thành phẩm, bán thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty và toàn bộ các quyền, quyền sở hữu và lợi ích phát sinh từ các hợp đồng kinh tế đã ký kết bao gồm quyền nhận bất kỳ khoản thanh toán nào.
- (c) Khoản vay của một số cá nhân mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay không quá 150% lãi suất Ngân hàng Nhà Nước công bố, thời hạn vay dưới 01 năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn phát sinh trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn Ngân hàng	Vay ngắn hạn cá nhân	Cộng
Số đầu năm	1.050.014.802.591	42.941.254.804	1.092.956.057.395
Số tiền vay trong năm	3.335.364.603.480	-	3.335.364.603.480
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.084.024.511.169)	(42.724.445.804)	(3.126.748.956.973)
Đánh giá lại số dư cuối năm	4.990.617.934	-	4.990.617.934
Số cuối năm	1.306.345.512.836	216.809.000	1.306.562.321.836

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về mua nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa và các dịch vụ khác	36.550.041.354	57.253.274.313
Phải trả về đầu tư, xây dựng tài sản cố định	6.747.091.930	3.968.846.929
Cộng	43.297.133.284	61.222.121.242

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của khách hàng trong nước	20.347.495.159	377.678.316
Trả trước của khách hàng nước ngoài	3.664.241.483	7.069.796.480
Cộng	24.011.736.642	7.447.474.796

21. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm (*)</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.775.322.722	(8.399.507.165)	375.815.557
Thuế tiêu thụ đặc biệt	39.488.815	675.150.092	(675.111.281)	39.527.626
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.554.954.445	(2.554.954.445)	-
Thuế xuất nhập khẩu	(276.249.957)	5.251.411.945	(5.100.751.313)	(125.589.325)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.871.302.379	55.551.863.364	(50.223.284.594)	32.199.881.149
Thuế thu nhập cá nhân	(125.697.669)	1.885.275.866	(2.127.937.363)	(368.359.166)
Thuế tài nguyên	27.494.517	345.094.937	(284.079.115)	88.510.339
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.487.647.183	(2.487.647.183)	-
Thuế môn bài	-	21.000.000	(21.000.000)	-
Các khoản phải nộp khác	308.711.524	286.124.086	(220.743.800)	374.091.810
Cộng	26.845.049.609	77.833.844.640	(72.095.016.259)	32.583.877.990

(*) Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số thuế còn phải nộp	34.166.279.120	27.511.136.694
- Số thuế phải thu (xem thuyết minh V.8)	1.582.401.130	666.087.085

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán nội địa	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty Cổ phần Du lịch – Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh mát xa với thuế suất 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood – F17:

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới do cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.
- Sản phẩm của Công ty có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

Với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau:

- Thuế suất áp dụng:
 - + Thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm kể từ khi chuyển sang hoạt động với loại hình Công ty cổ phần từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi;
 - + Thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác.

Năm 2013 là năm thứ mười Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014, thu nhập từ các hoạt động phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 57221000028 ngày 26/10/2007 của Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế được áp dụng trong 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 22% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2014 là năm thứ 07 Công ty áp dụng thuế suất 20% và Công ty không còn được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Công ty Cổ phần Thủy sản NT:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000284 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15 tháng 8 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế được áp dụng trong 15 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động kinh doanh và có thu nhập chịu thuế.

Năm 2014 là năm thứ 7 Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 3 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 60111000077 ngày 04 tháng 7 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp và theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được áp dụng thời gian miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.

Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty được miễn thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập khác.

Công ty Cổ phần thực phẩm NTSF và Công ty Cổ phần Du lịch – Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	281.583.082.112	189.731.789.484
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(7.112.542.741)	(1.064.929.299)
- Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện	(616.660.323)	(616.660.323)
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	1.445.148.413	1.012.915.661
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(7.941.030.831)	(1.461.184.637)
Thu nhập chịu thuế	274.470.539.371	188.666.860.185
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	60.383.518.663	47.166.715.047
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.917.400.895)	(7.414.369.855)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.852.211.256)	(459.056.113)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	55.613.906.512	39.293.289.079
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(62.043.148)	332.046.336
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	55.551.863.364	39.625.335.415

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	55.551.863.364	39.625.335.415
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	(43.478.263)
Cộng	55.551.863.364	39.581.857.152

Thuế tài nguyên

Công ty Cổ phần Du lịch – Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17

Công ty nộp thuế tài nguyên theo đơn giá và thuế suất căn cứ vào quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Đơn giá (đồng)</u>	<u>Thuế suất</u>
Bùn khoáng	800.000	5%
Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai khoáng	4.000	6%
Nước khoáng nóng thiên nhiên phục vụ sản xuất, dịch vụ	6.000	8%
Nước khoáng đóng chai, đóng hộp (lon)	144	8%

Các Công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là từ 4.000 VND/m³ đến 7.000 VND/m³ với mức thuế suất 5%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên của Tập đoàn.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay phải trả	4.179.820.112	6.868.004.869
Chi phí điện nước, vận chuyển, hoa hồng môi giới	4.368.218.454	4.238.811.672
Chi phí phải trả khác	1.213.156.695	1.583.187.868
Cộng	9.761.195.261	12.690.004.409

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.668.458.810	1.989.688.285
Bảo hiểm xã hội, y tế	43.894.422	844.826
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2.938.598.367	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.283.475	220.283.475
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	441.888.093	441.888.093
Cổ tức phải trả cổ đông khác	33.536.000	33.536.000
Các khoản phải trả khác	14.453.996	19.497.401
Cộng	6.361.113.163	2.705.738.080

25. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	22.943.577.379	581.917.868	-	23.525.495.247
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	5.914.696.961	2.803.674.240	34.990.000	8.753.361.201
Chi quỹ trong năm	(7.856.855.000)	(1.741.174.942)	-	(9.598.029.942)
Điều chỉnh khác	-	(34.990.000)	(3.644.792)	(38.634.792)
Cộng	21.001.419.340	1.609.427.166	31.345.208	22.642.191.714

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho Nhà nước – khoản tiền mua cổ phiếu hộ nghèo chậm trả.	-	192.550.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	692.550.000

27. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay của một số cá nhân mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay không quá 150% lãi suất Ngân hàng Nhà Nước công bố, thời hạn vay dưới 01 năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp. Chi tiết như sau:

	<u>Vay cá nhân</u>
Số đầu năm	30.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(30.000.000.000)
Số cuối năm	-

28. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	188.000.000.000	166.499.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
Cộng	188.000.000.000	166.499.960.000

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	188.000.000.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	188.000.000.000
Vốn điều lệ còn phải đầu tư	-

Cổ tức

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 01 tháng 03 năm 2014, Đại hội cổ đông đã thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức của các năm như sau:

	<u>Số cổ tức phải trả</u>	<u>Số cổ tức đã chi trả trong năm 2012</u>	<u>Số cổ tức còn phải trả 31/12/2014</u>
- Cổ tức năm 2012 (30% vốn chủ sở hữu)	56.400.000.000	24.974.994.000	31.425.006.000
- Cổ tức năm 2013 (40% vốn chủ sở hữu)	75.200.000.000	-	75.200.000.000
- Cổ tức năm 2014 (30% vốn chủ sở hữu)	56.400.000.000	-	56.400.000.000
Cộng	188.000.000.000	24.974.994.000	163.025.006.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hạch toán cổ tức còn phải trả và chi trả cho các cổ đông như công bố.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	16.649.996
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.800.000	16.649.996
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	16.649.996

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	247.252.080.566	216.785.505.465
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	85.100.000.000	11.711.120.000
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	55.963.778.658	19.301.249.245
Trừ lợi nhuận đã chia	-	(584.108.333)
Tăng khác	(1.365.585.490)	38.314.190
Cộng	386.950.273.734	247.252.080.566

30. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Nhaseatraco	1.566.809.661	1.566.809.661
Công ty Aliments Du Monde	78.215.100	78.215.100
Xí nghiệp Tư doanh Chế biến Thủy sản Cam Ranh	319.612.818	319.612.818
Cộng	1.964.637.579	1.964.637.579

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	3.873.509.188.459	3.371.496.021.648
Các khoản giảm trừ doanh thu	(37.852.305.982)	(16.387.702.044)
- Hàng bán bị trả lại	(33.637.554.386)	(12.660.499.868)
- Giảm giá hàng bán	(3.539.601.504)	(3.271.323.785)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	(675.150.092)	(455.878.391)
Doanh thu thuần	3.835.656.882.477	3.355.108.319.604
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	3.453.459.824	1.896.316.004.803
- Doanh thu bán thành phẩm	3.762.319.086.338	1.401.694.571.769
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.543.263.210	52.904.918.610
- Doanh thu khác	9.341.073.105	4.192.824.422

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa	315.880.061	1.688.871.076.353
Giá vốn thành phẩm	3.274.470.806.772	1.240.518.457.113
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	39.601.117.295	357.054.242
Giá vốn khác	188.546.058	2.177.774.761
Cộng	<u>3.314.576.350.187</u>	<u>2.931.924.362.469</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.865.255.944	2.513.392.816
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	192.895.795	292.859.108
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.405.134.179	18.405.134.891
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.683.255.988	2.489.437.504
Doanh thu tài chính khác	57.457.200	1.097.719
Cộng	<u>17.203.999.106</u>	<u>23.701.922.038</u>

4. Chi phí tài chính

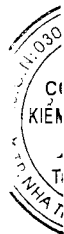
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	41.556.210.451	46.005.139.709
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.268.342.042	14.852.149.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	851.600.037	-
Cộng	<u>51.676.152.530</u>	<u>60.857.288.825</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	13.873.032.458	10.697.689.051
Chi phí vật liệu, đồ dùng dụng cụ	4.749.962.260	4.193.573.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.106.023.813	5.074.121.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.976.529.438	119.488.212.086
Chi phí khác	24.319.423.939	20.508.906.776
Cộng	<u>154.024.971.908</u>	<u>159.962.502.417</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	24.610.187.351	18.917.428.506
Chi phí vật liệu, đồ dùng dụng cụ	701.125.171	336.425.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.754.140.007	3.595.504.195
Thuế, phí và lệ phí	3.811.135.577	1.458.117.802
Chi phí dự phòng	-	845.464.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.987.363.921	1.836.258.469
Chi phí khác	21.856.334.852	17.876.336.554
Cộng	<u>57.720.286.878</u>	<u>44.865.535.898</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	440.909.091	5.766.422.101
Nhập thức ăn cá khuyến mãi	932.554.056	72.725.000
Thu nhập từ chiết khấu thương mại, chiết khấu bán hàng do mua thức ăn cho cá	2.987.796.438	7.449.246.554
Thu nhập bán phế liệu, vật tư thu hồi	704.385.717	1.765.519.686
Thu nhập từ tiền điện, cho thuê đất	2.124.321.401	-
Các khoản thu nhập khác	307.295.425	441.588.758
Cộng	7.497.262.128	15.495.502.099

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	283.840.113	6.009.081.280
Thanh lý vật tư	40.572.208	-
Thuế bị phạt, thuế truy thu, tiền phạt	421.729.540	331.225.779
Chi phí khác	31.158.235	623.957.589
Cộng	777.300.096	6.964.264.648

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	169.931.774.819	130.418.186.234
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	169.931.774.819	130.418.186.234
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	18.800.000	18.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.039	6.937

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.800.000	16.649.996
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	2.150.004
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.800.000	18.800.000

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển năm 2012. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 7.833 VND xuống còn 6.937 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc		
Tiền lương và tiền thưởng	2.249.103.000	2.232.442.000
Thù lao Hội đồng quản trị 2012, 2013, 2014 phải trả	2.938.598.367	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nha Trang Seafoods., Inc	Công ty tại Mỹ có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
NTCT Company., Inc	Công ty tại Mỹ có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nha Trang Seafoods., Inc		
Xuất khẩu thành phẩm	172.814.514.910	919.509.909.422
Hàng ủy thác xuất khẩu	54.055.977.804	89.475.222.898
Lãi CLTG đã thực hiện	35.434.957	1.875.173.480
Thu tiền bán hàng	30.888.265.370	277.255.389.594
Hàng bán bị trả lại	10.617.289.920	2.724.389.878
Giảm giá hàng bán	1.966.445.280	-
Hoàn trả tiền tạm ứng	-	1.975.594.287
Cần trừ công nợ chi phí lưu kho	-	21.036.000
Phí thanh toán quốc tế	4.885.597	-
NTCT Company., Inc		
Xuất khẩu thành phẩm	530.706.158.892	-
Hàng ủy thác xuất khẩu	666.173.428.108	-
Phí thanh toán quốc tế	33.999.309	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nha Trang Seafoods., Inc		
Phải thu tiền hàng	-	147.624.217.273
NTCT Company., Inc		
Phải thu tiền hàng	285.496.578.201	-
Cộng nợ phải thu	<u>285.496.578.201</u>	<u>147.624.217.273</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường. Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất/kinh doanh sản phẩm thủy hải sản và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ nước Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	1.310.742.141.948	-	1.310.742.141.948
Phải trả người bán	43.297.133.284	-	43.297.133.284
Các khoản phải trả khác	6.291.536.713	500.000.000	6.791.536.713
Cộng	1.360.330.811.945	500.000.000	1.360.830.811.945
Số đầu năm			
Vay và nợ	1.099.824.062.264	30.000.000.000	1.129.824.062.264
Phải trả người bán	61.222.121.242	-	61.222.121.242
Các khoản phải trả khác	6.537.204.509	692.550.000	7.229.754.509
Cộng	1.167.583.388.015	30.692.550.000	1.198.275.938.015

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>	<u>EUR</u>	<u>USD</u>	<u>EUR</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.423.718,54	241,60	1.625.818,53	341,69
Phải thu khách hàng	42.705.108,39	-	25.093.427,51	-
Vay và nợ	(61.107.780,33)	-	(46.257.858,10)	-
Phải trả người bán	(14.708.653,69)	-	(5.334.839,72)	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(28.687.607,09)	241,60	(24.873.451,78)	341,69

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 12.266.820.792 VND (năm trước giảm/tăng 10.489.134.616 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay tăng/giảm so với năm trước do số dư nợ vay gốc USD tăng mạnh so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	261.560.000.000	-	204.170.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	7.000.000.000	-
Vay và nợ	(216.809.000)	(61.107.780,33)	(181.490.733.824)	(46.257.858,10)
Nợ phải trả thuần	261.343.191.000	(61.107.780,33)	29.679.266.176	(46.257.858,10)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 5.226.863.820 VND (cùng năm trước tăng/giảm 593.585.324 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi vì số dư nợ vay bằng VND tăng lên đáng kể.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 13.064.843.435 VND (cùng năm trước giảm/tăng 9.634.586.685 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi vì số dư nợ vay bằng USD tăng lên đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	355.799.541.250	161.785.257.567
Phải thu khách hàng	220.120.017.485	393.986.573.437
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	285.310.000	255.960.000
Cộng	576.204.868.735	556.027.791.004

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>				<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	387.726.010.843	-	284.833.392.551	-	387.726.010.843	284.833.392.551
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	285.310.000	-	255.960.000	-	285.310.000	255.960.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Phải thu khách hàng	717.393.166.224	(1.789.517.009)	540.901.264.504	(1.789.517.009)	715.603.649.215	539.111.747.495
Các khoản phải thu khác	7.461.217.039	-	7.404.540.182	-	7.461.217.039	7.404.540.182
Cộng	1.112.865.704.106	(1.789.517.009)	840.395.157.237	(1.789.517.009)	1.111.076.187.097	838.605.640.228

Nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	1.306.562.321.836	1.122.956.057.395	1.306.562.321.836	1.122.956.057.395
Phải trả người bán	43.297.133.284	61.222.121.242	43.297.133.284	61.222.121.242
Các khoản phải trả khác	10.971.356.825	14.097.759.378	10.971.356.825	14.097.759.378
Cộng	1.360.830.811.945	1.198.275.938.015	1.360.830.811.945	1.198.275.938.015

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

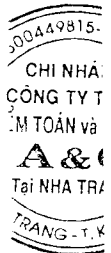
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Thông tin khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Công ty có thể phải gánh chịu một phần lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư theo tỷ lệ vốn điều lệ cam kết.



Nguyễn Dân Tiên
Người lập biểu

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2015



Ngô Văn Ich
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Kiểm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

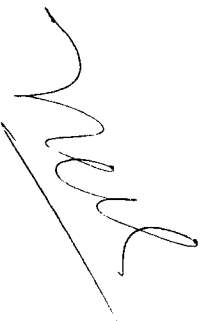
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	166.499.960.000	35.042.782.611	22.792.901.098	40.596.558.146	264.932.201.855
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	130.418.186.234	130.418.186.234
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	-	(1.069.369.275)	(1.069.369.275)
Điều chỉnh khác	-	-	-	386.139.316	386.139.316
Số dư cuối năm trước	166.499.960.000	35.042.782.611	22.792.901.098	170.331.514.421	394.667.158.130
Số dư đầu năm nay	166.499.960.000	35.042.782.611	22.792.901.098	170.331.514.421	394.667.158.130
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	21.500.040.000	(21.500.040.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	169.931.774.819	169.931.774.819
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.837.625.097	918.812.548	(2.756.437.645)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.986.254.171)	(2.986.254.171)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012, 2013, 2014	-	-	-	(2.938.598.367)	(2.938.598.367)
Chi khác	-	-	-	(98.128.200)	(98.128.200)
Điều chỉnh khác	-	(15.564)	(756.014.956)	(3.610.500.105)	(4.366.530.625)
Số dư cuối năm nay	188.000.000.000	15.380.352.144	22.955.698.690	327.873.370.753	554.209.421.586

Khoảng Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2015



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Ích
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

